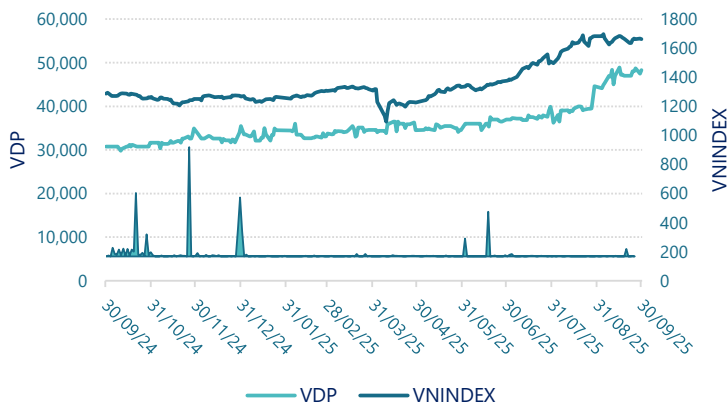




CTCP Dược phẩm Trung ương VIDIPHA (HSX: VDP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	48,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	48,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,801
SL cổ phiếu LH	22,083,392
KLGD BQ 20 phiên (CP)	119,965
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,067
P/E	15.7
EPS	3,070

DT thuần

Q3/25

359

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 94.0 | 35.3%

YoY: ▲ 146 | 68.4%

LN sau thuế

Q3/25

12.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 6.20 | -34.1%

YoY: ▼ 3.60 | -23.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.1%

+/- YoY: ▼ 5.8%

DT thuần

9T 2025

834

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 196 | 30.6%

LN sau thuế

9T 2025

44.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 4.40 | -9.0%

ROE

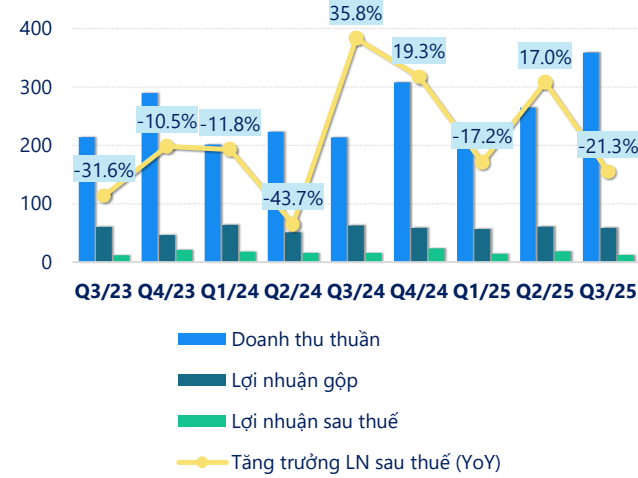
Q3/25

9.1%

+/- YoY: ▼ 0.9%

tỷ VNĐ

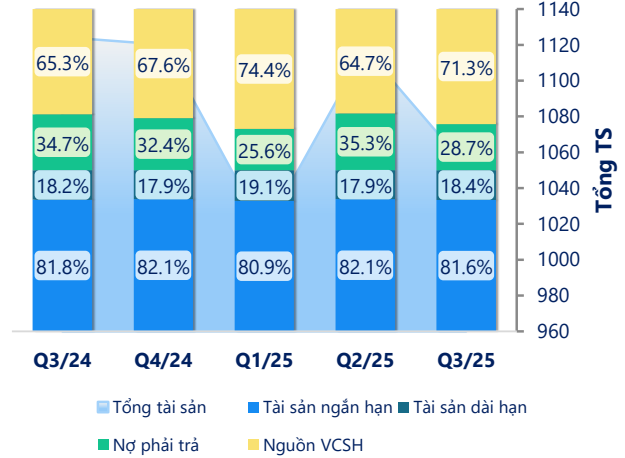
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

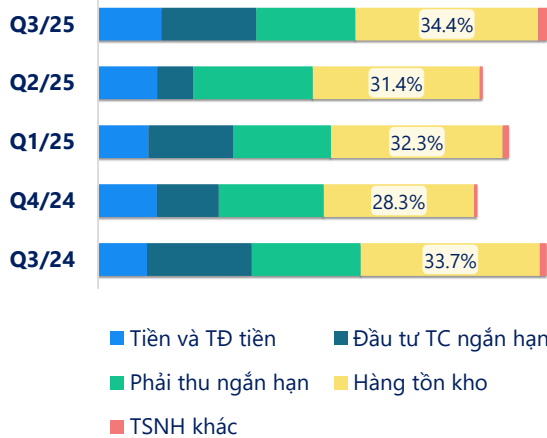
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



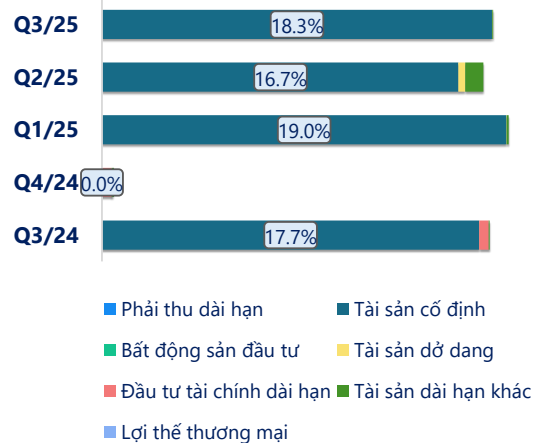
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

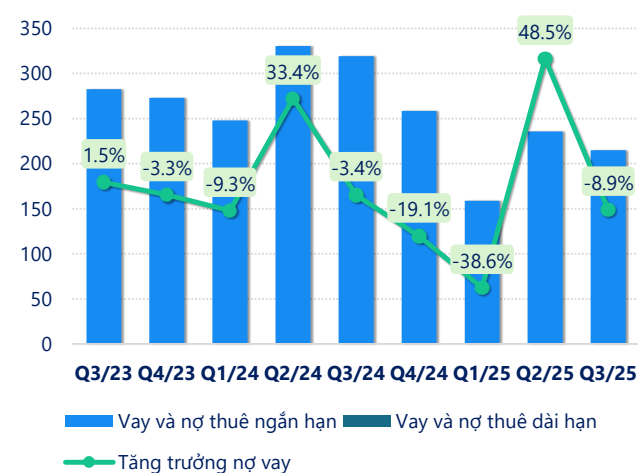
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

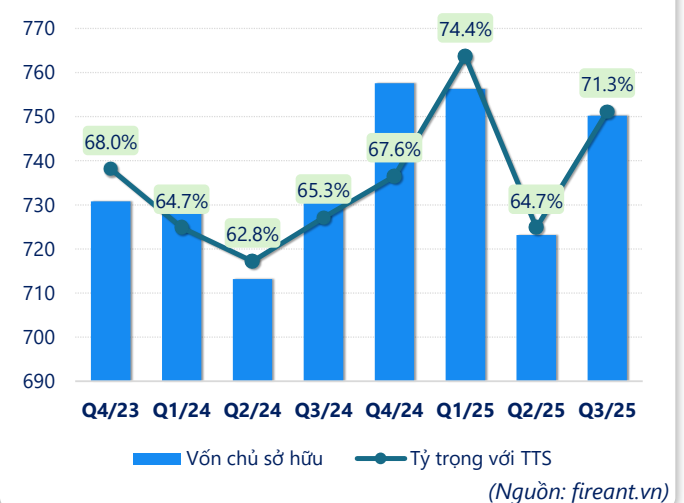
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

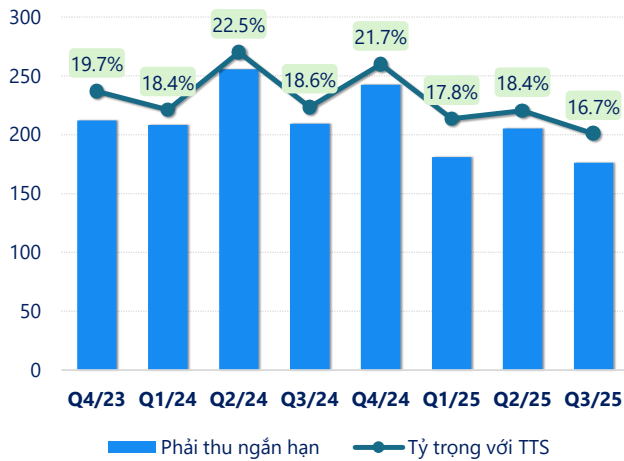
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



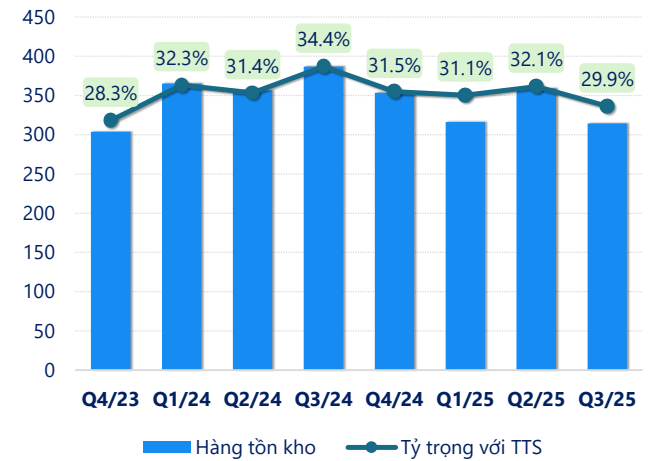
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


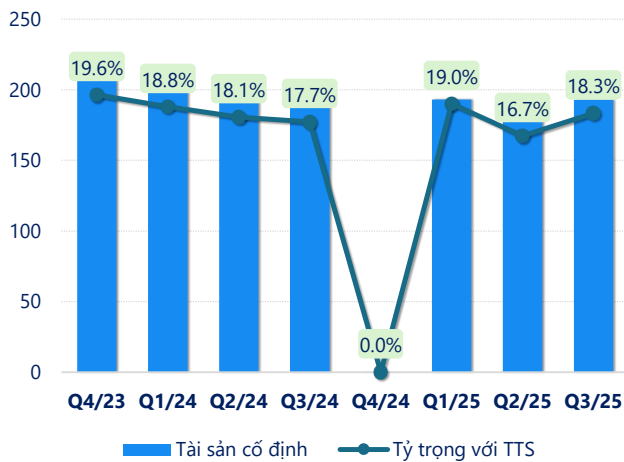
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


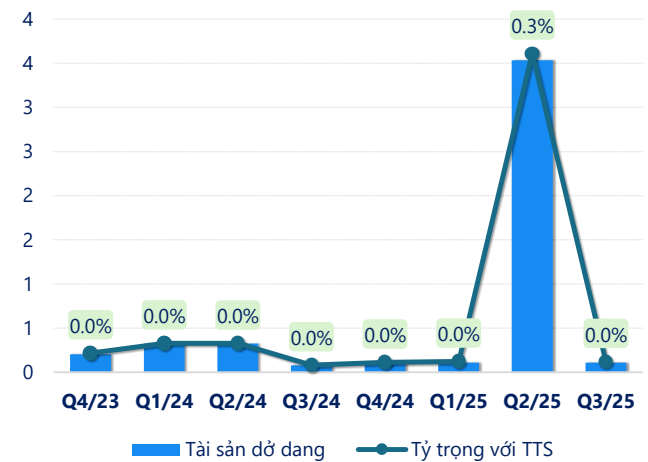
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

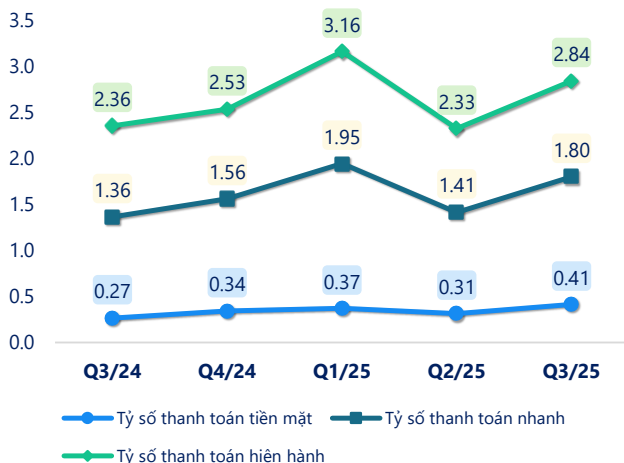
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

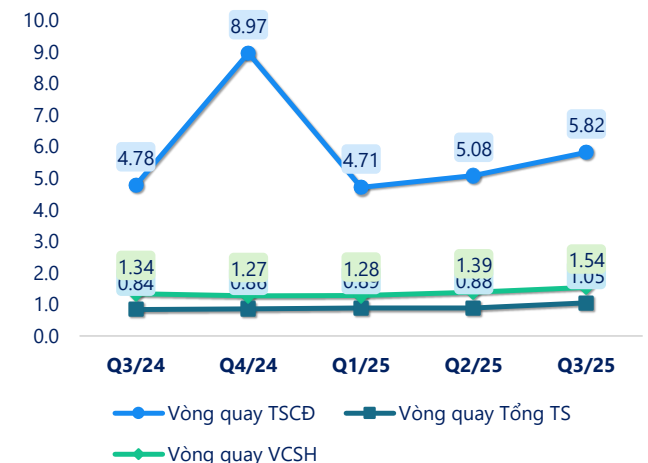
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,124	1,120	1,016	1,118	1,052
Tài sản ngắn hạn	919	919	822	917	859
Tiền và tương đương tiền	103	124	96.2	124	125
Đầu tư tài chính ngắn hạn	201	189	211	222	223
Phải thu ngắn hạn	209	243	181	205	176
Hàng tồn kho	387	353	316	359	315
Tài sản ngắn hạn khác	18.8	10.9	17.4	6.33	20.2
Tài sản dài hạn	205	201	194	200	193
Phải thu dài hạn	0.04	0	0.04	0.30	0.04
Tài sản cố định	199	0.04	193	187	193
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.08	0.11	0.11	3.53	0.11
Đầu tư tài chính dài hạn	5.00	5.00	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.50	1.18	0.97	9.50	0.42
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	390	363	260	394	302
Nợ ngắn hạn	390	363	260	394	302
Vay và nợ thuê ngắn hạn	319	258	159	236	215
Phải trả người bán ngắn hạn	8.58	42.1	65.7	108	30.5
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	734	758	756	723	750
Vốn chủ sở hữu	734	758	756	723	750
Vốn điều lệ	221	221	221	221	221
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)